

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN ĐỀ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20/9/2024

Về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và  
cấp dưỡng cho con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Đức Chương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trần Hoàng Việt;
- Ông Nguyễn Văn Hành.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Khánh Huy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 07/2024/TB-TA ngày 13/9/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lâm Ma N, sinh năm 1988 (Có mặt); địa chỉ: Nhà không số, ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Chị Lâm Thị D, sinh năm 1987 (Có mặt); địa chỉ: Nhà không số, ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện ngày 24/6/2024 (Bút lục 01) cũng như quá trình giải quyết vụ án (Bút lục 27) và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Lâm Ma N trình bày:

Năm 2011, anh N kết hôn cùng chị Lâm Thị D; được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Liêu Tú, huyện Trần Đề. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; đã có 02 con chung là cháu Lâm Ma N (Nam), sinh ngày 01/02/2012 và Lâm Thị Cha Ri D (Nữ), sinh ngày 05/3/2015.

Do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không khắc phục được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn hạnh phúc, đã không sống chung từ tháng 5/2022. Nay, anh N yêu cầu ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh N đồng ý để chị D trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, sẽ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1,5 triệu/cháu vì hiện chỉ có nghề làm MC, thu nhập 4,5 triệu đồng/tháng và cố gắng làm thêm để cấp dưỡng nhiều hơn.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N xác định không có nợ chung nhưng có tài sản chung, tự nguyện giao hết tài sản chung cho chị D nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ anh Ninh giao nộp gồm: Bản sao Căn cước công dân của anh N, Giấy chứng nhận kết hôn của anh N với chị D, Giấy khai sinh của cháu N và cháu Ri D; Đơn đề nghị không hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Đơn yêu cầu hỗ trợ gửi bản sao tài liệu, chứng cứ.

- Quá trình giải quyết vụ án (Bút lục 27) và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là chị Lâm Thị D trình bày:

Chị D hoàn toàn thống nhất với ý kiến của anh N về thời điểm kết hôn, thời gian chung sống cũng như tình trạng cuộc sống chung sau khi cưới. Anh N với chị D đã được Ủy ban nhân dân xã Liêu Tú cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/02/2011, vợ chồng đã có 02 con chung đúng như anh N trình bày. Chị D thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, vẫn có thể khắc phục được vì anh N vẫn còn thương vợ con nên chỉ đi rồi về, không bỏ đi hẳn nên còn hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Do đó, chị D không đồng ý ly hôn dù chị D không có biện pháp, giải pháp gì để cải thiện tình trạng hôn nhân. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con tùy theo khả năng của anh N.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D thống nhất với ý kiến của anh N, xác định không có nợ chung và có tài sản chung nhưng anh N tự nguyện giao nên chị D đồng ý nhận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là: Biên bản ghi lời khai của cháu N, cháu Ri D; Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp của các đương sự, sức khỏe và sự phát triển của cháu N, cháu Ri D (Bút lục 33). Các đương sự không có ý kiến phản đối về tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp và do Tòa án thu thập được.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh N được ly hôn với chị D; giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu N, cháu Ri D; anh N phải cấp dưỡng cho con theo yêu cầu của chị D; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Anh Lâm Ma N yêu cầu ly hôn với chị Lâm Thị D, giải quyết quyền nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung. Quan hệ pháp luật tranh chấp này được điều chỉnh tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ bản sao Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh của cháu N và cháu Ri D do anh N giao nộp cũng như việc thừa nhận của chị D và kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của anh N về kết hôn với chị D, được Ủy ban nhân dân xã Liêu Tú cấp Giấy chứng nhận kết hôn và vợ chồng đã có 02 con chung, có tài sản chung nhưng không có nợ chung là sự thật. Như vậy, anh N và chị D đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của pháp luật; trong đó có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, từ tháng 5/2022 đến nay, dù không có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội; chỉ vì mâu thuẫn mà anh N với chị D đã không sống chung, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau chăm sóc con chung. Mặc dù chị D không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp, giải pháp cụ thể để cải thiện tình trạng hôn nhân, hàn gắn tình cảm vợ chồng; Tòa án cũng nhiều lần động viên, hỗ trợ nhưng vợ chồng anh N vẫn không thể hòa hợp. Cho nên, rõ ràng anh N với chị D không còn thương yêu, tôn trọng nhau; không cùng nhau khắc phục khó khăn để có niềm vui, hạnh phúc nên anh N với chị D đã không còn tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa anh N với chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; cần áp dụng các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh N ly hôn với chị D.

- Thời điểm xét xử vụ án, cháu N và cháu Ri D đều đã trên 7 tuổi, phát triển bình thường về thể chất cũng như trí tuệ, có nguyện vọng được sống cùng mẹ; chính quyền địa phương không phải hỗ trợ bảo vệ, chăm sóc các cháu. Xét, việc bày tỏ nguyện vọng của cháu N và cháu Ri D là hoàn toàn tự nguyện; không bị đe dọa, lừa dối hay ép buộc; chị D đã trực tiếp một mình nuôi con từ năm 2022 và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu, anh N cũng đồng ý với yêu cầu này. Vì vậy, căn cứ Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình để giao cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

- Về cấp dưỡng cho con: Xét ý kiến của anh N trình bày chỉ có nghề làm MC, thu nhập mỗi tháng khoảng 4,5 triệu đồng nên tự nguyện cấp dưỡng cho con 1,5 triệu đồng/tháng/cháu; chị D cũng thừa nhận nghề nghiệp, việc làm, thu nhập của anh N. Hội đồng xét xử thấy rằng, mức cấp dưỡng mà anh N đưa ra đã trên 65% thu nhập hiện nay; mức cấp dưỡng này cũng phù hợp với môi trường, nhu cầu cuộc sống thực tiễn tại địa phương nên ghi nhận.

- Các đương sự cùng khẳng định không có nợ chung, có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Anh N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo điểm a Khoản 5, án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng quy định tại điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 và Khoản 5 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147 và Khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

#### ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lâm Ma N được ly hôn với chị Lâm Thị D.

2. Về quyền nuôi con chung:

Giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Lâm Ma N (Nam), sinh ngày 01/02/2012 và Lâm Thị Cha Ri D (Nữ), sinh ngày 05/3/2015.

Trong thời gian chị D nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu N và cháu D, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ hợp pháp, theo quy định của pháp luật.

### **3. Về cấp dưỡng:**

Anh Lâm Ma N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N và cháu Ri D, cấp dưỡng định kỳ 1.500.000 đồng/tháng/cháu (Mỗi tháng một triệu năm trăm ngàn đồng cho một người con) đến khi cháu N, cháu D thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng này được thi hành ngay mặc dù Bản án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị. Mặt khác, các đương sự còn có quyền yêu cầu thay đổi người có nghĩa vụ cấp dưỡng và mức cấp dưỡng cho con nếu có căn cứ hợp pháp, theo quy định của pháp luật.

**4. Về tài sản chung và nợ chung:** Nguyên đơn, bị đơn cùng kháng định không có nợ chung, có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

### **5. Án phí sơ thẩm:**

Nguyên đơn Lâm Ma N phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0004305 ngày 27/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề. Anh N còn phải nộp bổ sung 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

**6. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.**

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã Liêu Tú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**CHU ĐỨC CHƯƠNG**

